



TIỂU SỬ TÓM TẮT
CỦA NGƯỜI ỨNG CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN HUYỆN CHƯ PƯH
NHIỆM KỲ 2016-2021

1. Họ và tên thường dùng:

PHẠM HÙNG CHI
2. Họ và tên khai sinh:

PHẠM HÙNG CHI
- Các bí danh/tên gọi khác:

Không.
3. Ngày, tháng, năm sinh:

30/11/1980.

4. Giới tính:

Nam.
5. Quốc tịch:

Chỉ có 01 quốc tịch là quốc tịch Việt Nam và không trong thời gian thực hiện thủ tục xin gia nhập quốc gia khác.
6. Nơi đăng ký khai sinh:

Xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.
7. Quê quán:

Xã Đức Phong, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.
8. Nơi đăng ký thường trú:

số 100 lô A, khu thu nhập thấp, Tổ 5, Phường Thắng Lợi, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

Nơi ở hiện nay:

số 100A, khu thu nhập thấp, Tổ 5, Phường Thắng Lợi, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.
9. Số CMND/Hộ chiếu/Thẻ căn cước công dân:

SHSQ 09004320.
- Ngày cấp:

15/7/2019.

Cơ quan cấp:

Quân khu 5
10. Dân tộc:

Kinh.

11.Tôn giáo:

Không.
12. Trình độ:

- Giáo dục phổ thông:

12/12.

- Chuyên môn, nghiệp vụ:

Cử nhân cao đẳng Chính trị, Quân sự; Chuyên ngành: Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước.

- Học vị:

Không.

Học hàm:

Không.

- Lý luận chính trị:

Trung cấp.

- Ngoại ngữ:

Tiếng Anh, Chứng chỉ C.
13. Nghề nghiệp hiện nay:

Sĩ quan Quân đội.
14. Chức vụ:

Thiếu tá, Chính trị viên phó kiêm Chủ nhiệm Chính trị/Ban Chỉ huy Quân sự huyện Chư Pưh.
15. Nơi công tác:

Ban Chỉ huy Quân sự huyện Chư Pưh/ Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Gia Lai.
- 16: Ngày vào Đảng:

18/12/2004.

- Ngày chính thức:

18/12/2005;

Số thẻ đảng viên:

77.193075.

- Chức vụ trong Đảng:

Đảng ủy viên – Đảng ủy Quân sự huyện Chư Pưh.

- Ngày ra khỏi Đảng:

Không.

Lý do ra khỏi Đảng:

Không.
17. Tham gia các thành viên của các tổ chức đoàn thể khác:

Không
18. Tình trạng sức khỏe:

Tốt.
19. Các hình thức khen thưởng nhà nước đã được tặng:

Huy chương chiến sĩ vẻ vang hạng Nhì, Ba (năm 2014, 2014).
20. Các hình thức kỷ luật, xử lý vi phạm đã bị áp dụng (Đảng, chính quyền, đoàn thể):

Không bị kỷ luật, không có án tích.
21. Là đại biểu Quốc hội khóa:

Không.
22. Là đại biểu Hội đồng nhân dân:

Không.

TÓM TẮT QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

Thời gian	Công việc, chức danh, chức vụ nơi công tác (chính quyền, Đảng, đoàn thể)
Từ tháng 03 năm 2002 đến tháng 05 năm 2002	Binh nhì, Chiến sỹ mới c16/eBB95/fBB2/Quân khu 5
Từ tháng 6 năm 2002 đến tháng 11 năm 2002	Binh nhất, học viên Trường Quân sự Quân khu 5
Từ tháng 12 năm 2002 đến tháng 02 năm 2003	Trung sĩ, Khẩu đội trưởng, dBB2/eBB95/fBB2/Quân khu 5
Từ tháng 03 năm 2003 đến tháng 7 năm 2003	Trung sỹ, học viên tạo nguồn Trường Quân sự Quân khu 5
Từ tháng 8 năm 2003 đến tháng 11 năm 2003	Trung sĩ, Khẩu đội trưởng, dBB2/eBB95/fBB2/Quân khu 5
Từ tháng 12 tháng 2003 đến tháng 01 năm 2005	Đảng viên, Trung sỹ, học viên Trường Quân sự Quân khu 5
Từ tháng 02 năm 2005 đến tháng 5 năm 2005	Đảng viên, Trung úy CN, Trung đội trưởng, e733/fBB315/Quân khu 5
Từ tháng 6 năm 2005 đến tháng 12 năm 2005	Đảng viên, Trung úy CN, Trung đội trưởng, cBB5/eBB143/fBB315/Quân khu 5
Từ tháng 01 năm 2006 đến tháng 8 năm 2006	Đảng viên, Trung úy CN, Trung đội trưởng, dBB2/eBB143/fBB315/Quân khu 5
Từ tháng 9 năm 2006 đến tháng 7 năm 2009	Chi ủy viên, Trung úy CN, Học viên Học viện Chính trị
Từ tháng 8 năm 2009 đến tháng 8 năm 2010	Chi ủy viên, Trung úy, Chính trị viên phó, cHL8/dBB2/eBB1/fBB2/Quân khu 5
Từ tháng 9 năm 2010 đến tháng 5 năm 2011	Bí thư chi bộ, Trung úy, Chính trị viên, cHL8/dBB2/eBB1/fBB2/Quân khu 5
Từ tháng 6 năm 2011 đến tháng 8 năm 2013	Đảng viên, Thượng úy, Trợ lý Tuyên huấn, Ban Chính trị/eBB1/fBB2/Quân khu 5.
Từ tháng 9 năm 2013 đến tháng 11 năm 2014	Đảng ủy viên Đảng ủy Trung đoàn, Bí thư Đảng ủy Tiểu đoàn, Thượng úy, Đại úy, Chính trị viên dBB2/eBB1/fBB2/Quân khu 5.
Từ tháng 12 năm 2014 đến tháng 01 năm 2016	Đảng viên, Đại úy, Trợ lý Tuyên huấn Sư đoàn 2, Quân khu 5
Từ tháng 02 năm 2016 đến tháng 8 năm 2018	Phó bí thư chi bộ, Đại úy, Thiếu tá, Trợ lý Tuyên huấn, Phòng chính trị, Bộ CHQS tỉnh Gia Lai.
Từ tháng 9 năm 2018 đến nay	Đảng ủy viên ĐUQS huyện, Bí thư chi bộ, Thiếu tá, CTVP-CNCT, Ban CHQS huyện Chư Pưh, Bộ CHQS tỉnh Gia Lai